TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 –VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2026/DS-ST
Ngày: 14/7/2026
V/v "tr/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Sẩm

Ông Nguyễn Văn Hiền

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Toà án nhân Khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/7/2026 và 14/7/2026 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân Khu vực 9- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2026/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 196/2026/QĐST-DS ngày 02/7/2026 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Kim C, sinh 1969; Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (người đại diện ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1968; Trú tại: Ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long có mặt);

**** Bị đơn*****:** 1. Bà Lê Thu T, sinh năm 1992; Địa chỉ 30/01, khu phố D, xã T, tỉnh Vĩnh Long; 2. Ông Phạm T1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Đức D *trình bày:*

Trước đây vào ngày 20/6/2024 bà C có cho vợ chồng anh anh T1, chị T vay số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, các bên có lập biên nhận mượn tiền, thời hạn vay 30 ngày phải trả tất nợ gốc, các bên không có thỏa thuận trả lãi suất. Quá trình thực

hiện hợp đồng, phía chị T, anh T1 vi phạm trả nợ gốc, phía bà C đòi nhiều lần nhưng không trả.

Nay yêu cầu chị T, anh T1 liên đới trả cho bà C số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 20/6/2024 đến ngày Toà án xét xử, ngày 13/7/2026, mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi 20.556.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 120.556.000 đồng.

Bị đơn chị Lê Thu T vắng mặt và không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm T1 có lời trình bày như sau: Anh thừa nhận biên nhận mượn tiền đề ngày 20/6/2024 vợ chồng anh gồm T1 và T có ký tên bên mượn bà C số tiền 100.000.000 đồng, nhưng thực tế vợ chồng anh chỉ có nhận từ bà C số tiền 85.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng là bà C tính lãi của tháng đầu tiên, bà C cho vay tính lãi suất 15%/tháng, việc thỏa thuận lãi suất 15%/tháng là các bên thỏa thuận miệng bên ngoài, vợ chồng anh đóng lãi được 48.000.000 đồng, anh yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh lại lãi suất theo quy định pháp luật để cấn trừ vào vốn gốc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng: Các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật theo giấy triệu tập của Toà án nhưng không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án đề nghị áp dụng điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm T1, bà Lê Thu T liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền 120.556.000 đồng (trong đó tiền vốn gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi suất 20.556.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng***:

[1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn bà C có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Các bị đơn anh anh T1, chị T đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Giao dịch vay tài sản giữa các bên phía nguyên đơn cung cấp chứng cứ bản gốc biên nhận mượn tiền với số tiền mượn 100.000.000 đồng do các bị đơn ký xác nhận bên mượn. Các bị đơn quá trình Toà án thụ lý giải quyết Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nội dung mà nguyên đơn đã yêu cầu cùng bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp kèm theo hồ sơ khởi kiện; Toà án đã triệu tập các bị đơn rất nhiều lần để tiến hành hoà giải ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng bị đơn bà T cố tình né tránh không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án và cũng không có bất cứ văn bản nào gửi Toà án thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Riêng đối với bị đơn ông T1 thừa nhận vợ chồng có vay của bà chi nhưng chỉ vay số tiền 85.000.000 đồng, nhưng thừa nhận biên nhận mượn tiền đề ngày 20/6/2024 do nguyên đơn cung cấp vợ chồng anh có ký tên bên mượn bà C số tiền 100.000.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, nên buộc các bị đơn anh T1, chị T phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc 100.000.000 trên cho nguyên đơn bà C là phù hợp.

[2] Đối với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[3] Đối với bị đơn ông T1 cho rằng quá trình vay các bên thỏa thuận lãi suất cho vay bên ngoài (thỏa thuận miệng) 15%/tháng, đã đóng được 48.000.000 đồng tiền lãi, yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất cho vay theo quy định pháp luật để trừ vào vốn gốc. Xét thấy lời nại của bị đơn ông T1 đưa ra không được phía nguyên đơn thừa nhận, tại biên nhận mượn tiền đề ngày 20/6/2024 hoàn toàn các bên không có thỏa thuận lãi suất, mặt khác bị đơn nại ra nhưng không làm đơn phản tố để Tòa án xem xét mặt dù đã được Tòa án thông báo, nên lời nại của ông T1 không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 463, 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Kim C. Buộc ông Phạm T1, bà Lê Thu T liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 20.556.000 đồng. Tổng cộng 120.556.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà C, nếu bà T, ông T1 chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thu T, ông Phạm T1 liên đới chịu 6.028.000 đồng. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.912.000 đồng theo biên lai thu số 0004522 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL (1b);
- VKSND KV9 (2b);
- Phòng THADS KV9(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Phong